TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01/02/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Phạm Trung Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Công Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 649/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị N**, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T, huyện A, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị N trình bày: Chị và anh Lê Văn H chung sống như vợ chồng năm 2016, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, giấy đăng ký kết hôn số 06/2016, ngày 19/01/2016. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm đến vợ con, gia đình bên chồng thường xuyên chửi mắng chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh H đã sống ly thân khoảng 04 năm nay vẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 26/8/2016, hiện tại đang sống với Chị N nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không

yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn, nuôi con của chị Hải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con, nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh H đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con. Chị N cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt Chị N, anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị N và anh H chung sống như vợ chồng năm 2016, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, giấy đăng ký kết hôn số 06/2016, ngày 19/01/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Lý do Chị N yêu cầu ly hôn là do anh H không quan tâm đến vợ con, gia đình bên chồng thường xuyên chửi mắng chị. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Chị N cương quyết ly hôn, vì vợ chồng đã sống ly thân khoảng 04 năm nay vẫn không hàn gắn được, hiện tại cả hai không còn tình cảm, còn anh H đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của Chị N, điều này chứng tỏ anh H cũng không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, do đó yêu cầu ly hôn của Chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 26/8/2016, hiện tại đang sống với Chị N nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì Chị N là người trực tiếp nuôi con ổn định đến nay, tại đơn xác nhận điều kiện nuôi con ngày 14/12/2023 thì Chị N đang có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 24/10/2023 cháu Quân cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, anh H cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của Chị N nên Hội đồng xét xử giao cháu Quân cho Chị N trực tiếp nuôi là đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của cháu, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Chị N và anh H được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Thị N.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị N được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Con chung: Giao con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 26/8/2016 cho chị Thị N trực tiếp nuôi, anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thị N không yêu cầu.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Án phí: Chị Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013168 ngày 24 tháng 10 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Thị N đã thi hành xong phần án phí.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- UBND TT. Thứ Ba, H. An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thảo Lan